

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 70/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1995;

Nơi đăng ký thường trú: **Thôn H, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.**

Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1988;

Nơi đăng ký thường trú: **Thôn H, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành được lập ngày 20 tháng 8 năm 2024, về việc các đương sự đó thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Lê Thị H** và anh **Nguyễn Thành L**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ con chung: Chị **Lê Thị H** và anh **Nguyễn Thành L** thống nhất vợ chồng có 01 con chung và giao cho chị **Lê Thị H** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con **Nguyễn Thành Q**, sinh ngày 27/9/2020. Anh **Nguyễn Thành L** đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi con trưởng thành (tròn 18 tuổi). Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở quyền này.

- Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị **Lê Thị H** và anh **Nguyễn Thành L**

thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Thành L thống nhất thỏa thuận: Giao cho chị Hoàng c toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai số BLTU/23/0003921 ngày 12/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Chị H đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- UBND xã Trường Xuân;  
(GCN số 16 ngày 22/11/2018);
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**(ĐÃ KÝ)**

**Trần Thị Nam**